

12. XÃ PHAN NGỌC HIỂN*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đường Nguyễn Văn Cứng	Cầu sắt cũ (hết ranh quy hoạch)	Bến xếp dỡ hàng hóa 2 Bình	4.800
2	Đường Nguyễn Văn Cứng (đường số 1 trong Dự án)	Bến xếp dỡ hàng hóa 2 Bình	Đồn Biên Phòng Rạch Gốc (hết ranh quy hoạch)	3.600
3	Đường Nguyễn Văn Cứng (đường số 6C trong Dự án)	Ngã 3 Trạm y tế TT Rạch Gốc	Ngã 3 Cổng chào (Đường HCM)	3.600
4	Đường Bông Văn Dĩa	Cầu Rạch Gốc	Cầu Đầu Đước	1.800
5	Bông Văn Dĩa	Cầu Cần Đước	Cầu Ông Định	720
6	Đường 13/12	Cầu Kênh Ba mới	Bến phà sông Đường Kéo	1.800
7	Đường 13/12	Ngã 4 Đường Hồ chí Minh	Cầu Kênh Ba mới	3.000
8	Lộ bê tông	Cầu Thu Phí	Cầu sắt củ	3.600
9	Lộ bê tông (đường số 2 trong dự án)	Đường số 6C	Ngã 3 trước cổng trường Mẫu giáo TT Rạch Gốc cũ	3.600
10	Lộ bê tông (đường số 6 trong Dự án)	Ngã 3 trước cổng trường Mẫu giáo TT Rạch Gốc	Đường Nguyễn Văn Cứng	3.600
11	Đường số 6A	Đường số 2	Đường Nguyễn Văn Cứng	3.500
12	Đường số 6B	Đường số 2	Đường Nguyễn Văn Cứng	3.500
13	Đường số 2A	Đường số 6	Đường số 6A	3.500

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
14	Đường số 2B	Đường số 6B	Đường số 6C	3.500
15	Lộ bê tông	Cầu Thu Phí	Cầu kênh Ngang	660
16	Lộ bê tông	Cầu Thu Phí	Đường 962 (ngã 3 nhà ông Hòa)	600
17	Đường 962	Ngã 4 Bưu điện	Đường 13/12	3.000
18	Lộ bê tông	Đường 13/12	Cầu Rạch Lùm (Đường Hồ Chí Minh)	1.200
19	Lộ bê tông	Cầu Rạch Lùm (Đường Hồ chí Minh)	Kênh nước Lộn	360
20	Lộ bê tông	Cầu Thu Phí	Kênh Cả Tháp	540
21	Lộ bê tông (Lộ giữa)	Cầu Thu Phí	Kênh Ông Nam	660
22	Lộ bê tông (Lộ giữa)	Kênh Ông Nam	Kênh Huế	360
23	Lộ bê tông (Lộ giữa)	Kênh Huế	Đầu lộ Trung tâm huyện	500
24	Lộ bê tông	Cầu kênh Ngang	Hết ranh đất ông Tư Đạm	600
25	Lộ bê tông	Cầu Kênh Ngang	Cầu kênh Cóc	300
26	Lộ bê tông dọc theo sông Rạch Gốc	Cầu Thu Phí	Ngã ba Nhà ông Châu Văn Đẩu	660
27	Lộ bê tông dọc theo sông Rạch Gốc	Kênh ông Nam	Kênh Huế	360
28	Lộ bê tông dọc theo sông Rạch Gốc	Kênh Huế	Vàm đầu đước	470
29	Đường Hồ Chí Minh	Cầu Xóm Lò (giáp ranh xã Tân Ân Tây)	Cầu Rạch Lùm	720

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
30	Đường Hồ Chí Minh	Cầu Rạch Lùm	Đường 13 tháng 12	1.200
31	Đường Hồ Chí Minh	Đường 13 tháng 12	Đường số 11	2.400
32	Đường Hồ Chí Minh	Đường số 11	Cầu Công Dân Kiều	1.200
33	Đường Hồ Chí Minh	Cầu Công Dân Kiều	Cầu Kênh Hồ (Giáp ranh xã Viên An Đông)	720
34	Tuyến đường số 11	Đường Hồ Chí Minh	Ngã 4 Trụ sở Khóm 1	1.800
35	Lộ bê tông	Cầu Kênh Một (Đường cấp VI)	Ngọn Kênh Một	300
36	Lộ bê tông	Cầu Ông Định (Đường cấp VI)	Vàm Trại Xiêm	300
37	Lộ bê tông	Cầu Kênh Năm (Đường Hồ Chí Minh)	Cầu Kênh Cóc	300
38	Đường 962	Ngã tư Trụ sở khóm 1	Ngã tư Bưu Điện	3.600
39	Đường bê tông	Đường 13/12	Đường số 3 (kênh ông Nam, khóm 4)	600
40	Đường cấp VI	Đường 13/12 (TT Văn hóa)	Cầu đường kéo	1.800
41	Đường số 962 (nối dài)	Đường số 11	Đất ông Thua	3.600
42	Đường cấp VI	Đường Hồ Chí Minh	Trạm Biên phòng Rạch Gốc	1.200
43	Lộ bê tông mé sông	Cầu Lão Nhựt	Cầu Nhựt Miên	1.930
44	Lộ bê tông mé sông	Cầu Nhựt Miên	Hết ranh Trường trung học cơ sở	720
45	Lộ bê tông mé sông	Hết ranh Trường trung học cơ sở	Hết ranh quy hoạch Trung tâm Hành Chính xã	480

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
46	Lộ bê tông tuyến Nhà Bia	Cầu Lão Nhược (mé bên nhà bia cũ)	Ngã ba vào chợ Nhưng Miên	840
47	Lộ bê tông mé sông	Cầu Lão Nhược	Hết ranh Trường Mậu Giáo (Trường THCS cũ)	600
48	Lộ bê tông mé sông	Hết ranh trường Mậu giáo	Vàm Đốc Neo	250
49	Lộ bê tông	Ranh đất cơ sở sản xuất nước đá Hiền Phúc	Vàm Nhưng Miên	310
50	Lộ bê tông	Vàm Biện Nhạn	Vàm Ông Miếu	310
51	Lộ bê tông	Vàm Xẻo Lá (Từ trụ điện vượt sông)	Hết ranh Trạm viễn thông	250
52	Lộ bê tông	Cụm dân cư ngã ba Cạnh Đèn từ ngã ba ra mỗi hướng + 300m		480
53	Lộ bê tông	Cụm ngã ba So Đũa		360
54	Đường Hồ Chí Minh	Cầu Năm Căn	Cầu Ông Như	600
55	Đường Hồ Chí Minh	Cầu Kênh Hồ	Cầu So Đũa	600
56	Lộ Bê Tông	Rạch Ô rô	Cầu Nhà Phiếu	540
57	Lộ Bê Tông	Cầu Nhà Phiếu	Cầu Nhà Diêu	540
58	Lộ cấp VI Đồng Bằng	Cầu Nhà Diêu	Cầu Rạch Gốc	720
59	Lộ Bê Tông	Cầu Rạch Gốc	Cửa Hóc Năng (Hết ranh đất dự án CWPĐ)	360
60	Lộ Bê Tông Mé Sông	Rạch Ô rô	Bến phà Góc Me	540

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
61	Lộ Bê Tông Mé Sông	Cầu Nhà Diệu	Cầu Dinh Hạng	420
62	Lộ Bê Tông Mé Sông	Cầu Nhà Phiêu	Cầu Nhà Diệu	420
63	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2\text{m}$			300
64	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2\text{m}$ đến $\leq 3\text{m}$			350
65	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ trên 3m			400
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		250
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200